



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG  
ĐỨC LONG GIA LAI**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/11/2013). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCP-VSD - 4 ngày 28/01/2010 (thay đổi lần 4 ngày 24/10/2013) với mã chứng khoán DL1. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

Vốn điều lệ: 28.564.540.000 đồng.

Vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2013: 28.564.540.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 059 3829021
- Fax: (84) 059 3829021
- Website: <http://station.duclonggroup.com>

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng.

### *Nhân sự*

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2013 là 92 người. Trong đó nhân viên quản lý là 23 người.  
Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### *Hội đồng quản trị*

- |                        |            |  |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Đỗ Chiến Đấu     | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 12/06/2011                               |
| • Ông Nguyễn Đình Trạc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12/06/2011                               |
| • Ông Bùi Pháp         | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/11/2009                               |
| • Ông Võ Châu Hoàng    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11/03/2009<br>Miễn nhiệm ngày 26/05/2013 |
| • Ông Lê Phú Hà        | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11/03/2009<br>Miễn nhiệm ngày 26/05/2013 |
| • Ông Lê Hoàng Ngọc    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2013                               |
| • Ông Phạm Anh Hùng    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2013                               |

### *Ban Kiểm soát*

- |                       |            |  |
|-----------------------|------------|--|
| • Bà Trần Thị Kim Cúc | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 15/09/2009                               |
| • Ông Lê Hoài Nhân    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/09/2009                               |
| • Ông Đỗ Tấn Hoa      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12/06/2011<br>Miễn nhiệm ngày 26/05/2013 |
| • Bà Lý Thị Bắc       | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2013                               |

### *Ban Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                         |                |  |
|-------------------------|----------------|--|
| • Ông Lê Hoàng Ngọc     | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 03/12/2012                               |
| • Ông Lê Phú Hà         | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 20/12/2012<br>Miễn nhiệm ngày 22/08/2013 |
| • Ông Phạm Tiến Dũng    | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 14/05/2010                               |
| • Bà Hà Thị Phương Oanh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 21/12/2007                               |

### *Kiểm toán độc lập*

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc  
Giám đốc



Lê Hoàng Ngọc

Gia Lai, ngày 23 tháng 03 năm 2014





# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

## THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vn.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 307/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 07/02/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 26.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyễn Trọng Hiếu**  
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0391-2013-010-1

Báo cáo này được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính và các Thuyết minh báo cáo đính kèm

**Nguyễn Trung Dũng**  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1380-2013-010-1

Trang 4

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
 có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>22.060.333.011</b>	<b>19.472.496.083</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>497.335.665</b>	<b>232.708.438</b>
1. Tiền	111		297.335.665	232.708.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>800.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	800.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.549.062.670</b>	<b>17.473.422.868</b>
1. Phải thu khách hàng	131		136.810.864	376.361.364
2. Các khoản phải thu khác	135	<b>6</b>	20.412.251.806	17.097.061.504
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>18.425.638</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	18.425.638
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.013.934.676</b>	<b>947.939.139</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>7</b>	480.221.966	509.247.600
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>8</b>	155.758.680	155.758.680
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>9</b>	377.954.030	282.932.859
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.246.612.552</b>	<b>24.282.482.549</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.994.027.639</b>	<b>23.890.906.517</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>10</b>	22.994.027.639	23.890.906.517
- Nguyên giá	222		31.389.768.114	30.537.179.649
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.395.740.475)	(6.646.273.132)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>11</b>	-	-
- Nguyên giá	228		58.625.000	58.625.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.625.000)	(58.625.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>252.584.913</b>	<b>391.576.032</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12</b>	252.584.913	391.576.032
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>45.306.945.563</b>	<b>43.754.978.632</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.488.094.388</b>	<b>4.689.444.084</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.821.806.511</b>	<b>4.431.716.813</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	150.000.000	832.511.000
2. Phải trả người bán	312		399.692.930	588.003.054
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	438.158.616	991.268.452
4. Phải trả người lao động	315		279.466.080	240.157.662
5. Chi phí phải trả	316	15	1.165.833	2.216.322
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	485.612.985	670.450.256
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.067.710.067	1.107.110.067
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>666.287.877</b>	<b>257.727.271</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	450.000.000	-
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		216.287.877	257.727.271
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.818.851.175</b>	<b>39.065.534.548</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>41.818.851.175</b>	<b>39.065.534.548</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	28.564.540.000	24.839.360.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	8.025.697.065	8.025.697.065
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	1.006.961.740	1.006.961.740
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	4.221.652.370	5.193.515.743
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>45.306.945.563</b>	<b>43.754.978.632</b>



Le Hoàng Ngọc

Gia Lai, ngày 07 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
 Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
 có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	19.096.147.497	19.239.694.586
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	19.096.147.497	19.239.694.586
4. Giá vốn hàng bán	11	20	12.258.349.191	10.637.837.964
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>6.837.798.306</u>	<u>8.601.856.622</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	104.409.759	24.200.846
7. Chi phí tài chính	22	22	106.982.823	157.730.995
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		106.982.823	157.730.995
8. Chi phí bán hàng	24		562.337.754	573.802.570
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.649.208.582	2.562.832.176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>3.623.678.906</u>	<u>5.331.691.727</u>
11. Thu nhập khác	31		733.200	668.100
12. Chi phí khác	32		20.673.000	16.400.000
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(19.939.800)</u>	<u>(15.731.900)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	<u>3.603.739.106</u>	<u>5.315.959.827</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	849.698.479	944.110.907
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	<u>2.754.040.627</u>	<u>4.371.848.920</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	964	1.760



Giám đốc

Lê Hoàng Ngọc

Gia Lai, ngày 07 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
 có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	20.441.445.178	20.271.279.450
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(10.119.909.465)	(7.156.725.662)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.957.109.742)	(2.873.324.982)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(108.033.312)	(155.514.673)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.300.000.000)	(538.876.360)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.156.400.277	4.337.434.788
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.565.910.740)	(8.131.203.015)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>546.882.196</b>	<b>5.753.069.546</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(953.472.728)	(3.746.281.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.600.000.000)	(800.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	2.400.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	104.409.759	24.200.846
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(49.062.969)</b>	<b>(4.522.080.154)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.200.000.000	800.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.432.511.000)	(2.152.904.274)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(681.000)	(562.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(233.192.000)</b>	<b>(1.353.466.274)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>264.627.227</b>	<b>(122.476.882)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	232.708.438	355.185.320
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>497.335.665</b>	<b>232.708.438</b>



Giám đốc

Lê Hoàng Ngọc

Gia Lai, ngày 07 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

